



# 2023 CHAU-SHI Series Nan Pao Open

肇喜登峰巡迴賽-南寶公開賽

第一 & 二回合編組表

Grouping of Play for Rounds 1 & 2



地點：南寶高爾夫俱樂部  
NAN PAO GOLF CLUB

上午場 Morning Session

112 年 8 月 22 日 (星期二)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country			
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee					
1	6:30	1	21	10:40	10	高嘉鴻	TWN	10	6:35	10	6:35	30	10:45	1	A	林張恆	TWN	
						吳致誼	TWN									劉澤森	TWN	
						蘇晉弘 A	TWN											
2	6:40	1	22	10:50	10	余松柏	TWN	11	6:45	10	6:45	31	10:55	1	A	洪昭鑫	TWN	
						李尚融	TWN									林宸駒	TWN	
						陳暉泓	TWN									邱瀚霆	TWN	
3	6:50	1	23	11:00	10	陳志宏	TWN	12	6:55	10	6:55	32	11:05	1	A	林義淵	TWN	
						呂文德52	TWN									陳鳴悒	TWN	
						林紹白 A	TWN									陳奕騫	TWN	
4	7:00	1	24	11:10	10	蘇彥璋	TWN	13	7:05	10	7:05	33	11:15	1	A	廖煥鈞	TWN	
						陳柏睿	TWN									高 藤	TWN	
						陳又勁 A	TWN									林楷傑 A	TWN	
5	7:10	1	25	11:20	10	張哲瑜	TWN	14	7:15	10	7:15	34	11:25	1	A	陳伯豪	TWN	
						林文堂	TWN									林耕緯	TWN	
						葉 甫	TWN									范姜皓詮	TWN	
6	7:20	1	26	11:30	10	陳威勝	TWN	15	7:25	10	7:25	35	11:35	1	A	彭弘瑾	TWN	
						沈威成	TWN									溫楨祥	TWN	
						劉巖鴻	TWN									許智凱	TWN	
7	7:30	1	27	11:40	10	林大鎬	TWN	16	7:35	10	7:35	36	11:45	1	A	葉昱辰	TWN	
						陳裔東	TWN									宋孟璋	TWN	
						方傳崑	TWN									陳科壹	TWN	
8	7:40	1	28	11:50	10	張簡克諺	TWN	17	7:45	10	7:45	37	11:55	1	A	楊浚頡	TWN	
						李謹州	TWN									汪德昌	TWN	
						陳宥蓁	TWN									蔡勁陽 A	TWN	
9	7:50	1	29	12:00	10	卓宗霖	TWN	18	7:55	10	7:55	38	12:05	1	A	劉永華	TWN	
						林遠惟	TWN									呂孫儀	TWN	
						楊 豪	TWN									洪瑞誠	TWN	
								19	8:05		8:05	39	12:15			林晟毓	TWN	
																	王宥崑	TWN
																	柯亮宇 A	TWN



# 2023 CHAU-SHI Series Nan Pao Open

## 肇喜登峰巡迴賽-南寶公開賽

### 第一 & 二回合編組表

### Grouping of Play for Rounds 1 & 2



地點：南寶高爾夫俱樂部  
NAN PAO GOLF CLUB

下午場 Afternoon Session

112年8月22日(星期二)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			
30	10:45	1	11	6:35	10	賴嘉一	TWN	20	10:40	10	1	6:30	1	6:30	蔡啟煌	TWN
						王鈺祺	TWN								曾子軒	TWN
						許智傑	TWN								殷梓勛 A	TWN
31	10:55	1	12	6:45	10	賴韋綸	TWN	21	10:50	10	2	6:40	1	6:40	林永龍	TWN
						曾豐棟	TWN								蔣宸麟	TWN
						黃冠勳	TWN								蔡宗佑	TWN
32	11:05	1	13	6:55	10	李士鴻	TWN	22	11:00	10	3	6:50	1	6:50	連驪森	TWN
						范揚嘉	TWN								許孟男	TWN
						曾子豪	TWN								瀨下 裕太 A	JPN
33	11:15	1	14	7:05	10	鄭存宸	TWN	23	11:10	10	4	7:00	1	7:00	施俊宇	TWN
						蔡顯至	TWN								許育誠	TWN
						王璽安	TWN								張哲綸 A	TWN
34	11:25	1	15	7:15	10	陳傑生	TWN	24	11:20	10	5	7:10	1	7:10	洪駿剛	TWN
						黃韋豪	TWN								簡佑賢	USA
						蔡雨達	TWN								謝繼賢	TWN
35	11:35	A區	16	7:25	B區	何勁宏	TWN	25	11:30	B區	6	7:20	A區	7:20	張建棋	TWN
						辜柏雲	TWN								黃議增	TWN
						林冠伯	TWN								林 緯	TWN
36	11:45	A區	17	7:35	B區	王偉祥	TWN	26	11:40	B區	7	7:30	A區	7:30	翁永田	TWN
						呂偉智	TWN								盧建順	TWN
						劉又睿	TWN								伴 翔太郎	USA
37	11:55	A區	18	7:45	B區	沙比亞特·馬克	TWN	27	11:50	B區	8	7:40	A區	7:40	謝旻軒	TWN
						蔡凱任	TWN								何易叡	TWN
						謝東宏	TWN								胡宇棠 A	TWN
38	12:05	A區	19	7:55	B區	陳逸祐	TWN	28	12:00	B區	9	7:50	A區	7:50	王人立	TWN
						李啟宗	TWN								張宇誠	TWN
						李威廷 A	TWN								蘇清安	TWN
39	12:15	A區	20	8:05	B區	林為超	TWN	29	12:10	B區	10	8:00	A區	8:00	蕭和宇	TWN
						蔡辰錯	TWN								蘇文祥	TWN
						高隆睿 A	TWN								林鼎軒 A	TWN